

Bản án số: 71/2021/DS-PT

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phụng

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan T

Địa chỉ: Kv A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan T là: Ông Nguyễn L; địa chỉ: Kv A, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2020).

2. Bị đơn: Bà Trần D

Địa chỉ: khu vực Q, phường F, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phan T ủy quyền cho ông Nguyễn L trình bày: Vào ngày 23/12/2015, ông Phan T có cho bà Trần D vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3,6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, khi vay bà D có làm biên nhận đề ngày 23/12/2015. Từ khi vay cho đến nay, bà D chưa trả cho ông T khoản tiền nào, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần D phải trả cho ông T số tiền vay là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Trần D trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 23/12/2015, bà có vay của ông Phan T số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng và bà D có làm biên nhận nợ đề ngày 23/12/2015 như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, sau khi vay thì vào tháng 8 năm 2016, bà D có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/phần, có 25 phần, do ông Phan T làm chủ. Sau đó, bà D hốt hụi được 177.400.000đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) và ông T đã trừ số tiền này vào số tiền bà D vay 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nêu trên, trừ thêm tiền lãi 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng), ông T trả tiền thừa còn lại cho bà D là 35.720.000đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Khi đó, bà D có kêu ông T giao lại biên nhận nợ 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) cho bà D nhưng ông T nói đã mất, do tin tưởng nên bà D không yêu cầu tiếp và cũng không yêu cầu ông T viết biên nhận đã nhận đủ tiền trả nợ 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) từ bà D. Đối với dây hụi bà D hốt như đã nêu trên, bà D đã đóng lại đến tháng 4 năm 2019, thì còn nợ lại ông T 04 lần đóng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

nhưng ông T đã thỏa thuận miệng cho bà D luôn phần nợ này, nên bà D không còn nợ ông T.

Bà D còn cho rằng, nếu bà D còn nợ ông T thì không có lý do gì, vào tháng 8 năm 2019, ông T mua vật liệu xây dựng của bà D thì ông T không trừ vào số tiền nợ này, mà lại trả tiền mua vật liệu cho bà D. Nay bà D chỉ thừa nhận còn nợ lại ông T 04 lần đóng hội là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nên chỉ đồng ý trả cho ông T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, bà D không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan T.

Buộc bà Trần D phải có trách nhiệm trả cho ông Phan T số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020, bị đơn bà Trần D kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Bà Trần D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D chỉ trả cho ông Phan T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và được trả dần mỗi tháng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu về thủ tục tố tụng; từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết theo hướng. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật trong vụ án: Xét nguyên đơn ông Phan T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần D phải có nghĩa vụ trả tiền nợ vay nên Tòa án thụ lý và xét xử theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định thẩm quyền: Bị đơn bà Trần D có địa chỉ tại khu vực Q, phường F, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trần D có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn theo quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bà Trần D giữ nguyên kháng cáo, cụ thể bà D yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D chỉ trả cho ông Phan T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và được trả dần mỗi tháng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Xét kháng cáo của bà Trần D; Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên bản hòa giải (bút lục 23-24, 30), biên bản đối chất (bút lục 52), biên bản hòa giải (bút lục 54) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trần D thừa nhận có vay của nguyên đơn ông Phan T số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 23/12/2015 (bút lục 01), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng nên đủ cơ sở xác định bà Trần D có vay của ông Phan T số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

[5] Bà D cho rằng, vào tháng 8 năm 2016 bà D có tham gia đây hui 10.000.000 đồng/phần, có 25 phần, do ông Phan T làm chủ hui. Sau đó, bà hốt hui được 177.400.000đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) và ông T đã trừ số tiền hui này vào số tiền bà D vay 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nêu trên, trừ thêm tiền lãi 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng), ông T trả tiền thừa còn lại cho bà D là 35.720.000đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm hai

mười nghìn đồng). Đối với dây hui bà D hót như đã nêu trên, bà D đã đóng lại đến tháng 4 năm 2019, thì bà D còn nợ lại ông T 04 lần đóng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nên chỉ đồng ý trả cho ông T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Xét lời trình bày này của bà D, không được nguyên đơn thừa nhận, bà D cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ cho việc bà D đã lấy tiền hót hui từ ông T trừ vào tiền vay 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), trong khi giấy biên nhận bà D nợ, ông T vẫn còn giữ nên không có sở để Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà D đã trả hết nợ cho ông T là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

[6] Đối với kháng cáo của bà D về việc bà D kháng cáo, yêu cầu giải quyết cho bà D được trả tiền dần cho nguyên đơn mỗi tháng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu này của bà D, tại phiên tòa phúc thẩm không được nguyên đơn chấp nhận, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về cách thức trả nợ nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà D.

[7] Xét bà Trần D là người kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trần D.

[8] Có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 92, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần D

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan T.

1. Buộc bà Trần D phải có trách nhiệm trả cho ông Phan T số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần D phải chịu số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Phan T được nhận số tiền 4.170.000đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003066 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần D phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mà bà Trần D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006042 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bà Trần D đã đóng xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 29/4/2012

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú

